

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ  
TIN HỌC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**

---

*Tháng 04 năm 2021*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 6
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	7 - 9
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>	10
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>	11 - 12
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	13 - 50

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm 2020 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 26/06/2020)
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 26/06/2020)

#### **Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung	(Thôi phụ trách chung từ ngày 05/03/2021)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành	(Phụ trách Ban điều hành từ ngày 05/03/2021)
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2020)
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 08/10/2020)
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán Trưởng	

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Giấy ủy quyền số 058 UQ/ĐT-TB ngày 05/03/2021 của Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ủy quyền cho Ông Vũ Hải Vĩnh – Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành là người ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cụ thể:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Hải Vĩnh

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 02/04/2021, từ trang 07 đến trang 50 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” từ các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ tại ngày 31/12/2020 liên quan khoản mục Trả trước cho người bán ngắn hạn số tiền 8.133.416.150 đồng, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho kiểm toán viên cơ sở để đánh giá các khoản mục công nợ này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính;

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

- Tại ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho khoản đầu tư tài chính dài hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1 (VTD1) và các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Công ty không trích lập dự phòng đầu tư tài chính là do Công ty VTD1 có kế hoạch kinh doanh, cam kết và lộ trình thanh toán. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam thì chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán như “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” sẽ tăng thêm là 692.579.926 đồng, chỉ tiêu “Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ tăng thêm 6.417.383.220 đồng, “LNST chưa phân phối đến cuối năm trước” sẽ giảm thêm 4.731.299.869 đồng và “LNST chưa phân phối năm nay” giảm đi 2.378.663.277 đồng. Đồng thời, các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 như “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng thêm là 2.378.663.277 đồng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm đi tương ứng. Do đó, khoản đầu tư vào VTD 1 được đánh giá theo phương pháp giá gốc.
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức còn tồn kho một số mặt hàng chậm luân chuyển với tổng giá trị tồn số tiền 10.955.055.554 đồng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho các hàng tồn kho chậm luân chuyển nêu trên, do tin tưởng rằng sẽ không có sự sụt giảm giá trị hàng tồn kho trong tương lai;
- Đến ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện khấu hao cho một số tài sản cố định với tổng nguyên giá là 7.212.793.288 đồng tương ứng với số khấu hao tài sản cố định lũy kế từ 01/01/2016 tới 31/12/2020 số tiền 6.010.661.074 đồng (số khấu hao tài sản cố định từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 là 1.202.132.215 đồng) do các tài sản này vận hành chưa có hiệu quả sau khi được chuyển về từ Công ty TNHH Công nghệ Led Ánh sáng mới trong năm 2015.
- Khoản mục thu nhập khác trong năm 2020 của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh cho thuê mặt bằng cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/04/2021 với số tiền là 580.000.000 đồng. Việc ghi nhận không đúng kỳ kế toán của Công ty làm cho chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” sẽ giảm đi và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng 580.000.000 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Thu nhập khác” sẽ tăng thêm 580.000.000 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2020, khoản chi quá lũy kế Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty với giá trị 1.295.679.244 đồng đang được phản ánh trên cả 2 chỉ tiêu: Phải thu ngắn hạn khác với giá trị là 474.114.076 đồng và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với giá trị là (821.565.168 đồng).

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Công trình Viettronics đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” do Công ty chưa đánh giá về khả năng thu hồi của một số khoản phải thu quá hạn tại ngày 31/12/2020.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” do Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi.

Báo cáo tài chính Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam chưa được kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán số liệu của Công ty này, các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 được trình bày theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0666-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

\_\_\_\_\_  
**Lê Quang Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3660-2021-112-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31/12/2020

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>614.819.982.100</b>	<b>691.516.653.112</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>121.145.412.763</b>	<b>101.507.704.988</b>
Tiền	111		36.445.412.763	28.007.704.988
Các khoản tương đương tiền	112		84.700.000.000	73.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>62.250.418.537</b>	<b>62.505.057.180</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5.1.a	287.396.250	287.396.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1.b	61.963.022.287	62.217.660.930
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>246.388.478.104</b>	<b>306.223.088.754</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	223.437.805.635	272.240.667.220
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15	26.158.576.769	39.793.014.134
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	30.300.413.192	27.453.938.076
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(34.558.031.943)	(34.355.801.591)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		149.714.451	191.270.915
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>173.471.314.803</b>	<b>206.086.574.603</b>
Hàng tồn kho	141		178.348.362.624	209.921.343.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.877.047.821)	(3.834.769.120)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.564.357.893</b>	<b>15.194.227.587</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	5.876.340.683	6.506.181.135
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.490.864.331	7.673.923.636
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.197.152.879	1.014.122.816
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>259.070.642.923</b>	<b>275.871.206.544</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.469.300.688</b>	<b>15.530.707.140</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		18.215.447.540	15.343.741.940
Phải thu dài hạn khác	216	7	253.853.148	186.965.200
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.230.905.326</b>	<b>101.221.987.152</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	64.079.600.326	63.344.671.604
- Nguyên giá	222		197.393.835.170	191.356.496.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.314.234.844)	(128.011.824.555)
Tài sản cố định vô hình	227	12	37.151.305.000	37.877.315.548
- Nguyên giá	228		46.228.427.733	46.228.427.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.077.122.733)	(8.351.112.185)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2020

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>8.458.028.079</b>	<b>8.937.290.031</b>
- Nguyên giá	231		37.747.597.125	37.747.597.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.289.569.046)	(28.810.307.094)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>55.217.761.125</b>	<b>41.461.266.694</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.217.761.125	41.461.266.694
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>63.034.532.912</b>	<b>92.204.220.780</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.2	59.141.952.986	62.010.370.854
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2.1	-	29.621.270.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2.2	(1.107.420.074)	(1.107.420.074)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.1	5.000.000.000	1.680.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.660.114.793</b>	<b>16.515.734.747</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.350.761.491	10.977.200.111
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.309.353.302	5.538.534.636
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>873.890.625.023</b>	<b>967.387.859.656</b>

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>264.110.267.137</b>	<b>340.794.936.705</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>199.745.613.581</b>	<b>274.652.858.688</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	100.451.267.329	142.770.020.561
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.436.327.632	30.099.661.330
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.219.767.795	5.320.689.498
Phải trả người lao động	314		9.152.403.070	10.842.893.687
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.630.244.081	3.547.463.633
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		439.349.000	412.227.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	13.896.358.086	10.037.522.553
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	7.273.424.700	51.650.121.384
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		17.557.267.000	14.911.222.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.689.204.888	5.061.036.541
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>64.364.653.556</b>	<b>66.142.078.017</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	3.497.356.796	3.497.356.796
Phải trả dài hạn khác	337	18	32.902.470.002	31.916.801.083
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	5.500.000.000	17.277.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		22.464.826.758	13.450.920.138
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>609.780.357.886</b>	<b>626.592.922.951</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>609.420.357.886</b>	<b>626.232.922.951</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(13.064.952.951)	(13.064.952.951)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(19.974.146.692)	(19.974.146.692)
Quỹ đầu tư phát triển	418		54.159.183.882	59.962.344.145
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.658.854.040	17.664.979.162
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.509.261.280	24.173.714.700
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(14.850.407.240)	(6.508.735.538)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		143.614.799.902	143.618.079.582
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>
Nguồn kinh phí	431		360.000.000	360.000.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>873.890.625.023</b>	<b>967.387.859.656</b>

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Hải Vĩnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020		Năm 2019	
			VND		VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	677.116.356.394		795.678.507.034	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	8.334.590.336		8.941.945.121	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		668.781.766.058		786.736.561.913	
Giá vốn hàng bán	11	23	494.473.803.501		609.651.750.927	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		174.307.962.557		177.084.810.986	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	12.331.035.754		15.782.900.718	
Chi phí tài chính	22	25	3.992.083.821		(7.713.449.319)	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.372.578.945		3.567.596.240	
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.868.417.868)		(8.097.285.839)	
Chi phí bán hàng	25	26	94.273.399.094		100.484.358.832	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	61.244.261.653		68.449.381.566	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.260.835.875		23.550.134.786	
Thu nhập khác	31	28	2.978.087.254		2.504.405.939	
Chi phí khác	32	29	2.001.260.730		333.823.338	
Lợi nhuận khác	40		976.826.524		2.170.582.601	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.237.662.399		25.720.717.387	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	7.042.012.696		5.944.013.817	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	10.243.087.955		5.906.582.937	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.952.561.748		13.870.120.633	
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(10.574.483.093)		(3.694.451.260)	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.527.044.841		17.564.571.893	
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(241)		(138)	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	(241)		(138)	

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Hải Vĩnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>25.237.662.399</b>	<b>25.720.717.387</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.925.103.373	8.284.458.273
Các khoản dự phòng	03	3.890.554.053	(15.280.422.517)
Lỗ/(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.913.780	(527.630.933)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(11.023.151.304)	(14.203.225.673)
Chi phí lãi vay	06	2.372.578.945	3.567.596.240
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>27.405.661.246</b>	<b>7.561.492.777</b>
Giảm các khoản phải thu	09	63.549.435.946	245.567.853.387
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	31.572.981.099	(15.339.852.990)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.413.275.267)	(226.708.481.165)
Giảm chi phí trả trước	12	3.256.279.072	2.636.958.770
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.935.368.944)	(4.455.803.147)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.383.124.437)	(6.565.061.867)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.163.330.491)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>92.889.258.225</b>	<b>2.697.105.765</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.837.704.338)	(30.797.595.569)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.000.000	290.909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(116.009.669.359)	(68.556.098.223)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	112.944.308.002	72.209.352.519
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(23.270.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	27.660.560.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.427.316.473	12.884.967.760
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.425.749.222)</b>	<b>(9.577.904.422)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		141.996.605.899	287.260.625.917
Tiền trả nợ gốc vay	34		(198.150.302.583)	(298.780.100.445)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.671.937.000)	(7.292.219.395)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(66.825.633.684)</b>	<b>(18.811.693.923)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>19.637.875.319</b>	<b>(25.692.492.580)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>101.507.704.988</b>	<b>127.198.595.697</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(167.544)	1.601.871
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>121.145.412.763</b>	<b>101.507.704.988</b>

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021  
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng



Vũ Hải Vĩnh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp lại số: 0100103351) ngày 04/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2020 là 66 người (tại ngày 31/12/2019 là 88 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
<b>I</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
	Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo	100%
<b>II</b>	<b>Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính</b>			
1	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
2	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
3	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
4	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
5	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toà nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
6	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%
<b>III</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>			
1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%
6	Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07 Khu công nghiệp Bình Xuyên II, Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất	30,34%
<b>IV</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp giá gốc</b>			
1	Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	30 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long A, TP HCM	Sản xuất sản phẩm điện tử	34,92%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn thực góp thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT (TIẾP)**

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên danh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần vốn góp của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí hợp nhất trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

*Đầu tư và công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
- Máy móc, thiết bị	03 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ.

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và lắp đặt*

Doanh thu hoạt động cung cấp và lắp đặt thiết bị điện tử cho các dự án được ghi nhận khi các bên nghiệm thu khối lượng hoàn thành lắp đặt và được chấp nhận thanh toán.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với bên liên quan phát sinh trong năm 2020 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.415.481.150	1.908.777.404
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.029.931.613	26.098.927.584
Các khoản tương đương tiền (*)	84.700.000.000	73.500.000.000
	<b>121.145.412.763</b>	<b>101.507.704.988</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**5.2.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	29.621.270.000	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	-	-	29.621.270.000	-
	-	-	29.621.270.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2020		01/01/2020			
	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc	Khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại 31/12/2020	Giá trị ghi sổ khoản điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019	
	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>65.657.568.728</b>	<b>(8.245.521.566)</b>	<b>57.341.952.986</b>	<b>65.657.568.728</b>	<b>(5.447.197.874)</b>	<b>60.210.370.854</b>
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông	21.684.417.517	393.822.873	22.078.240.390	21.684.417.517	983.689.156	22.668.106.673
Công ty Cổ phần Viettronimex	13.987.729.333	3.475.833.885	17.463.563.218	13.987.729.333	2.908.699.711	16.896.429.044
Công ty Đầu tư Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	(1.276.595.137)	-	1.276.595.137	(1.276.595.137)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	(363.085.460)	1.915.432.670	2.278.518.130	(410.727.684)	1.867.790.446
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	153.874.982	1.049.223.177	895.348.195	144.392.265	1.039.740.460
Công ty TNHH DM Vina	23.846.960.416	(9.261.374.857)	14.515.491.383	23.846.960.416	(6.953.658.334)	16.893.302.082
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	(510.000.000)	-	510.000.000	(510.000.000)	-
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	(857.997.852)	320.002.148	1.178.000.000	(332.997.851)	845.002.149
	<b>65.657.568.728</b>	<b>(8.245.521.566)</b>	<b>57.341.952.986</b>	<b>65.657.568.728</b>	<b>(5.447.197.874)</b>	<b>60.210.370.854</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)
- 5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)
- 5.2.2 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết  
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 (\*)

		31/12/2020		01/01/2020	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
		1.800.000.000	(1.107.420.074)	1.800.000.000	(1.107.420.074)
		<b>1.800.000.000</b>	<b>(1.107.420.074)</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>(1.107.420.074)</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 được trình bày theo giá gốc do tại 31/12/2020 Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>223.437.805.635</b>	<b>(18.664.252.217)</b>	<b>272.240.667.220</b>	<b>(18.571.666.277)</b>
- Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	782.988.019	-	782.988.019	-
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	1.342.984.554	-	54.029.244.816	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	25.026.666.534	-	62.243.666.534	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
- Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	455.085.690	(455.085.690)
- Công ty CP Công Nghệ và Truyền thông Quốc tế Incotec	6.840.912.228	-	7.600.151.369	-
- Công ty TNHH Đầu tư Sunway Việt Nam	2.530.335.242	-	3.130.335.242	-
- Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	29.669.219.115	-	14.149.492.303	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công nghiệp Thăng Long	1.385.353.112	-	1.376.719.406	-
- Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	29.575.643.705	-	31.013.690.713	-
- Các đối tượng khác	123.028.617.436	(15.409.166.527)	94.659.293.128	(15.316.580.587)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>223.437.805.635</b>	<b>(18.664.252.217)</b>	<b>272.240.667.220</b>	<b>(18.571.666.277)</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.888.708.614</b>	<b>(941.238.671)</b>	<b>4.888.708.614</b>	<b>(938.536.895)</b>
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	4.615.576.963	(668.107.020)	4.615.576.963	(665.405.244)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	273.131.651	(273.131.651)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.300.413.192</b>	<b>(10.539.428.726)</b>	<b>27.453.938.076</b>	<b>(10.429.784.314)</b>
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	8.329.147.797	-	7.357.124.155	-
- Ký cược, ký quỹ	2.740.357.382	-	1.218.152.587	-
- Lãi dự thu	2.501.748.505	-	1.905.913.674	-
- Phải thu BHXH, BHYT, KPCĐ	56.760.000	-	11.900.677	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	131.900.000	-	189.000.000	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	16.540.499.508	(10.539.428.726)	16.771.846.983	(10.429.784.314)
<i>Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh</i>	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
<i>Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long</i>	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
<i>Công ty TNHH Kiên Quang</i>	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
<i>Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An</i>	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	6.968.242.335	(3.661.401.553)	7.199.589.810	(3.551.757.141)
<b>Dài hạn</b>	<b>253.853.148</b>	<b>-</b>	<b>186.965.200</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	157.607.948	-	90.720.000	-
- Phải thu khác	96.245.200	-	96.245.200	-
	<b>30.554.266.340</b>	<b>(10.539.428.726)</b>	<b>27.640.903.276</b>	<b>(10.429.784.314)</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	91.250.000	-	91.250.000	-





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. NỢ XẤU (TIẾP)**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
<i>Trả trước cho người bán</i>				
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	5.354.351.000	(5.354.351.000)	5.354.351.000	(5.354.351.000)
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)
- Công ty Cổ phần Viettronics Công	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)
+ Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhị Hà	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
<i>Các khoản phải thu khác</i>				
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	10.959.725.067	(10.539.428.726)	11.389.082.531	(10.429.784.314)
+ Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	6.719.188.518	(6.719.188.518)	6.719.188.518	(6.719.188.518)
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
- Công ty Cổ phần Viettronics	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)
+ Công nghiệp	1.580.107.721	(1.204.811.380)	1.580.107.721	(1.204.811.380)
	1.580.107.721	(1.204.811.380)	1.580.107.721	(1.204.811.380)
+ Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa	1.508.127.600	(1.132.831.259)	1.508.127.600	(1.132.831.259)
+ Các đối tượng khác	71.980.121	(71.980.121)	71.980.121	(71.980.121)
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	321.084.867	(276.084.867)	750.442.331	(166.440.455)
+ Các khoản phải thu khác	321.084.867	(276.084.867)	750.442.331	(166.440.455)
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	2.339.343.961	(2.339.343.961)	2.339.343.961	(2.339.343.961)
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	(231.346.388)	231.346.388	(231.346.388)
	231.346.388	(231.346.388)	231.346.388	(231.346.388)
	<b>37.444.190.007</b>	<b>(34.558.031.943)</b>	<b>38.828.786.619</b>	<b>(34.355.801.591)</b>
				<b>4.472.985.028</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	10.567.164.907	-	28.300.765	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.943.187.641	(637.772.355)	24.215.733.398	(109.012.484)
Công cụ, dụng cụ	235.803.814	(107.336.327)	232.455.244	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.463.088.058	(163.247.095)	31.522.359.865	-
Thành phẩm	91.382.908.722	(2.801.290.525)	90.306.671.216	(2.643.485.632)
Hàng hóa	29.222.167.058	(1.167.401.519)	63.064.456.411	(1.082.271.004)
Hàng gửi bán	534.042.424	-	551.366.824	-
	<b>178.348.362.624</b>	<b>(4.877.047.821)</b>	<b>209.921.343.723</b>	<b>(3.834.769.120)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>									
01/01/2020	128.453.644.019	40.375.772.417	20.838.604.220	1.688.475.503				191.356.496.159	
- Mua trong năm	-	6.458.267.284	-	-	-	-	-	6.458.267.284	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(420.928.273)	-	-	-	-	(420.928.273)	
31/12/2020	<b>128.453.644.019</b>	<b>46.834.039.701</b>	<b>20.417.675.947</b>	<b>1.688.475.503</b>				<b>197.393.835.170</b>	
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>									
01/01/2020	(77.972.507.390)	(31.726.408.651)	(16.624.433.011)	(1.688.475.503)				(128.011.824.555)	
- Khấu hao trong năm	(3.997.926.478)	(570.403.643)	(1.151.500.752)	-	-	-	-	(5.719.830.873)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	417.420.584	-	-	-	-	417.420.584	
31/12/2020	<b>(81.970.433.868)</b>	<b>(32.296.812.294)</b>	<b>(17.358.513.179)</b>	<b>(1.688.475.503)</b>				<b>(133.314.234.844)</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
01/01/2020	50.481.136.629	8.649.363.766	4.214.171.209	-				63.344.671.604	
31/12/2020	<b>46.483.210.151</b>	<b>14.537.227.407</b>	<b>3.059.162.768</b>	-				<b>64.079.600.326</b>	

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 93.766.890.280 (Tại 31/12/2019 là: 88.533.168.356 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.876.340.683</b>	<b>6.506.181.135</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.966.670	12.696.670
- Chi phí mua bảo hiểm	96.042.425	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.764.331.588	6.493.484.465
<b>Dài hạn</b>	<b>8.350.761.491</b>	<b>10.977.200.111</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	134.912.053	358.020.661
- Chi phí sửa chữa	2.913.658.046	5.198.163.453
- Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	17.452.556	37.679.081
- Chi phí dự án CCTV	3.787.871	163.114.484
- Chi phí thuê văn phòng	3.613.939.405	3.711.393.949
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.667.011.560	1.508.828.483
	<b>14.227.102.174</b>	<b>17.483.381.246</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2020	43.964.970.144	1.959.028.960	304.428.629	46.228.427.733
31/12/2020	43.964.970.144	1.959.028.960	304.428.629	46.228.427.733
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2020	(6.312.095.453)	(1.734.588.103)	(304.428.629)	(8.351.112.185)
- Khấu hao trong năm	(609.000.552)	(117.009.996)	-	(726.010.548)
31/12/2020	(6.921.096.005)	(1.851.598.099)	(304.428.629)	(9.077.122.733)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2020	37.652.874.691	224.440.857	-	37.877.315.548
31/12/2020	37.043.874.139	107.430.861	-	37.151.305.000

Tại 31/12/2020, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.590.907.589 đồng (Tại 31/12/2019 là 1.590.907.589 đồng)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>37.747.597.125</b>	-	-	<b>37.747.597.125</b>
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	-	-	2.063.958.919
- Nhà cửa, vật kiến trúc	31.872.245.306	-	-	31.872.245.306
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>(28.810.307.094)</b>	<b>(479.261.952)</b>	-	<b>(29.289.569.046)</b>
- Cơ sở hạ tầng	(2.063.958.919)	-	-	(2.063.958.919)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	(24.929.865.351)	(420.443.964)	-	(25.350.309.315)
- Quyền sử dụng đất	(1.816.482.824)	(58.817.988)	-	(1.875.300.812)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>8.937.290.031</b>	<b>(479.261.952)</b>	-	<b>8.458.028.079</b>
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.942.379.955	(420.443.964)	-	6.521.935.991
- Quyền sử dụng đất	1.994.910.076	(58.817.988)	-	1.936.092.088

Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại 31/12/2020 số tiền 16.284.367.517 đồng (tại 31/12/2019 là 16.284.367.517 đồng).

**14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>55.217.761.125</b>	<b>41.461.266.694</b>
- Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.766.893.636	4.716.893.636
- Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
- Dự án VTB Green Building	9.444.148.637	9.444.148.637
- Dự án nhà xưởng Cát Lái	36.755.494.728	23.049.000.297
- Các dự án khác	3.629.414.546	3.629.414.546
	<b>55.217.761.125</b>	<b>41.461.266.694</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>100.451.267.329</b>	<b>100.451.267.329</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>142.770.020.561</b>
- Công ty Cổ phần YOTEK	462.956.288	462.956.288	1.747.211.452	1.747.211.452
- Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển công nghệ Thông tin	-	-	1.988.117.169	1.988.117.169
- Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Dầu khí Biển	28.394.518	28.394.518	26.769.036.937	26.769.036.937
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Thịnh Phát	-	-	8.834.375.000	8.834.375.000
- Pioneer Singapore	9.672.862.402	9.672.862.402	14.598.448.224	14.598.448.224
- Công ty Cổ phần CID Holdings	3.225.968.158	3.225.968.158	21.291.988.016	21.291.988.016
- Các đối tượng khác	87.061.085.963	87.061.085.963	67.540.843.763	67.540.843.763
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>100.451.267.329</b>	<b>100.451.267.329</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>142.770.020.561</b>
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Tử Phú Thọ Hoà	401.908.330	401.908.330	401.908.330	401.908.330
	401.908.330	401.908.330	401.908.330	401.908.330

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.184.432.288	54.857.534.014	54.474.128.905	1.567.837.397
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.485.426.001	1.485.426.001	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.490.336.758	3.490.336.758	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.117.090.944	7.103.648.320	7.033.921.858	2.186.817.406
- Thuế thu nhập cá nhân	691.453.834	2.120.326.387	2.120.219.883	691.560.338
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.327.712.432	18.994.487.000	18.548.646.778	1.773.552.654
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	515.587.098	515.587.098	-
	<b>5.320.689.498</b>	<b>88.567.345.578</b>	<b>87.668.267.281</b>	<b>6.219.767.795</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.014.122.816	305.408.593	440.134.739	1.148.848.962
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	976.164	976.164
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	47.327.753	47.327.753
	<b>1.014.122.816</b>	<b>305.408.593</b>	<b>488.438.656</b>	<b>1.197.152.879</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.630.244.081</b>	<b>3.547.463.633</b>
- Trích trước chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	847.754.915	717.030.905
- Chi phí nhận hàng nhập khẩu	-	267.001.400
- Chi phí du lịch	294.042.337	294.042.337
- Chiết khấu thương mại	620.266.504	773.488.000
- Chi phí bán hàng	3.238.220.893	-
- Trích trước chi phí khác	2.175.665.096	1.478.816.656
- Chi phí lãi vay	454.294.336	17.084.335
<b>Dài hạn</b>	<b>3.497.356.796</b>	<b>3.497.356.796</b>
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	3.497.356.796	3.497.356.796
	<b>11.127.600.877</b>	<b>7.044.820.429</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.896.358.086</b>	<b>10.037.522.553</b>
- Kinh phí công đoàn	242.478.038	348.314.653
- Bảo hiểm xã hội	3.924.270	71.433.599
- Bảo hiểm y tế	-	8.844.166
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.511.338
- Phải trả về cổ phần hóa	25.927.500	45.176.446
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	2.274.391.255
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.624.028.278	7.286.851.096
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	7.118.785.957	3.910.730.850
+ <i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	1.302.400.000	1.302.400.000
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	5.202.842.321	2.073.720.246
<b>Dài hạn</b>	<b>32.902.470.002</b>	<b>31.916.801.083</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.902.470.002	31.916.801.083
	<b>46.798.828.088</b>	<b>41.954.323.636</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>7.273.424.700</b>	<b>7.273.424.700</b>	<b>141.996.605.899</b>	<b>51.650.121.384</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (1)	170.000.000	170.000.000	22.900.060.377	17.094.884.429
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP. Hồ Chí Minh	-	-	106.123.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Sài Gòn (2)	1.703.924.700	1.703.924.700	6.459.545.522	12.020.315.323
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (3)	3.993.000.000	3.993.000.000	5.786.000.000	2.150.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	-	921.421.632
- Ông Nguyễn Khang Trang (4)	317.000.000	317.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Đức Tường (4)	278.000.000	278.000.000	130.000.000	317.000.000
- Vay tổ chức, cá nhân khác (4)	-	-	-	230.000.000
- Các đối tượng khác	811.500.000	811.500.000	2.200.000.000	2.200.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>598.000.000</b>	<b>216.500.000</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	-	-	-	<b>1.500.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (5)	5.500.000.000	5.500.000.000	-	11.777.000.000
	<b>12.773.424.700</b>	<b>12.773.424.700</b>	<b>141.996.605.899</b>	<b>68.927.121.384</b>
				<b>68.927.121.384</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 077/KHDN/20/HMCV ký ngày 27/07/2020, với các điều khoản cụ thể:
- Hạn mức cho cấp tín dụng 50.000.000.000 VND;
  - Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: Đến hết ngày 27/07/2021;
  - Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
  - Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
  - Thời hạn trả nợ gốc: Theo từng lần nhận nợ, 6 tháng từ ngày giải ngân;
  - Thời hạn trả lãi vay: Trả lãi vay cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 6 ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi là ngày 05 hàng tháng;
  - Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô B58/II – B59/II, Đường số 2E – KCN Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam CN Đông Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/101317/HĐTD ngày 15/07/2020 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn);
  - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng;
  - Lãi suất thả nổi được quy định tại khế ước nhận nợ;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC;
  - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2020/101317/HĐBĐ ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam ngày 22/12/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 4033/19/TD-TT/II.24 ngày 19/08/2019 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng 25.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh 25.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, mục đích bảo lãnh phát hành L/C; Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thuế... Thời hạn của các khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 9 tháng, thời hạn bảo lãnh ghi trên từng cam kết bảo hành. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ từng lần. Tài sản đảm bảo bao gồm: (1) Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng số 01.2013/HĐTVP -VNC - EID ngày 02/04/2013 ký với Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Năng lượng, (2) Toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế được ký kết với các đối tác, (3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 5481/20/TD-TT/II.24 ngày 20/10/2020 kèm theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 6562/20PLTD-TT/II-24 ngày 07/12/2020 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng 35.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh 25.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh phát hành L/C 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục đích bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thuế; ...mục đích bảo lãnh phát hành L/C; Phát hành L/C nhập khẩu hàng hóa phục vụ kinh doanh. Thời hạn của các khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 9 tháng, thời hạn bảo lãnh ghi trên từng cam kết bảo hành. Tài sản đảm bảo bao gồm: (1) Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng số 01.2013/HĐTVP -VNC - EID ngày 02/04/2013 ký với Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Năng lượng, (2) Toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế được ký kết với các đối tác, (3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(4) Các khoản vay cá nhân có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 0%/năm - 5%/năm

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0532/TD4/19CD ký ngày 23/07/2019.

- Hạn mức cho cấp tín dụng: 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 83 tháng kể từ ngày hợp đồng hạn mức có hiệu lực;
- Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Cát Lái;
- Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
- Thời hạn trả nợ gốc: Khách hàng trả nợ gốc theo lịch trả nợ do Ngân hàng lập và thông báo lịch trả nợ cho Khách hàng;
- Thời hạn trả lãi vay: trả lãi vay cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 6 ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi là ngày 05 hàng tháng.
- Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô B58/II - B59/II, Đường số 2E - KCN Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	-26.619.705	19.652.211.623	152.653.637.589	-637.388.174.881
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(3.694.451.260)	17.564.571.893	13.870.120.633
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)
+ <i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)
- <i>Phân phối lợi nhuận tại các công ty con</i>	-	-	-	-	-	(913.458.691)	(6.980.881.309)	(7.894.340.000)
+ <i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con</i>	-	-	-	-	-	(746.835.450)	(623.164.550)	(1.370.000.000)
+ <i>Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con</i>	-	-	-	-	-	-	(6.224.340.000)	(6.224.340.000)
+ <i>Chi khen thưởng theo QĐ số 26/2019/VTB-QĐ-TGD</i>	-	-	-	-	-	(166.623.241)	(133.376.759)	(300.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(55.924.430)	-	-	-	-	(67.075.570)	(123.000.000)
- Tạm phân phối lợi nhuận 2019 tại JS VTB	-	-	-	490.412.495	-	(1.317.603.035)	(1.750.425.212)	(2.577.615.752)
- Điều chỉnh quỹ ĐTPT tại Công ty Vitek	-	-	-	(110.375.448)	-	110.375.448	-	-
- Thoái vốn tại CJCP Viettronics Đông Đa	-	159.347.952	136.554.053	(752.476.084)	-	6.832.405.453	(17.485.267.675)	(11.109.436.301)
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	24.976.204	(316.480.134)	(291.503.930)
31/12/2019	438.000.000.000	(13.064.952.951)	(19.974.146.692)	59.962.344.145	26.619.705	17.664.979.162	143.618.079.582	626.232.922.951

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.064.952.951)</b>	<b>(19.974.146.692)</b>	<b>59.962.344.145</b>	<b>26.619.705</b>	<b>17.664.979.162</b>	<b>143.618.079.582</b>	<b>626.232.922.951</b>
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(10.574.483.093)	18.527.044.841	7.952.561.748
- Phân phối lợi nhuận trong năm của Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(2.346.000.000)	-	(2.346.000.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.346.000.000)	-	(2.346.000.000)
- Phân phối lợi nhuận trong năm của Công ty Cổ phần Điện Tử Biên Hòa	-	-	-	(6.179.905.534)	-	5.586.265.534	(3.510.360.000)	(4.104.000.000)
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi quản lý	-	-	-	-	-	(408.000.000)	(392.000.000)	(800.000.000)
+ Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	-	-	-	(185.640.000)	(178.360.000)	(364.000.000)
+ Chia cổ tức năm 2020 của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	-	-	-	(6.179.905.534)	-	6.179.905.534	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	-	-	-	-	(555.410.802)	(7.921.629.198)	(8.477.040.000)
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(555.410.802)	(444.589.198)	(1.000.000.000)
- Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	-	(2.074.780.000)	(2.074.780.000)
- Tạm ứng chi cổ tức năm 2020	-	-	-	-	-	-	(5.402.260.000)	(5.402.260.000)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND						
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	-	-	-	-	(2.265.579.079)	(7.098.335.323)	(8.987.169.131)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	-	-	-	-	-	(1.588.818.526)	(2.448.350.605)	(4.037.169.131)
+ Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(4.950.000.000)	(4.950.000.000)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	376.745.271	-	(676.760.553)	300.015.282	-
- Điều chỉnh khi hợp nhất	-	-	-	-	-	(850.917.682)	-	(850.917.682)
<b>31/12/2020</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.064.952.951)</b>	<b>(19.974.146.692)</b>	<b>54.159.183.882</b>	<b>26.619.705</b>	<b>6.658.854.040</b>	<b>143.614.799.902</b>	<b>609.420.357.886</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết 01-2020/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
	<b>438.000.000.000</b>	<b>438.000.000.000</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000
<b>Lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>2.346.000.000</b>	<b>3.029.476.580</b>

**20.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2020	01/01/2020
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	54.159.183.882	59.962.344.145
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.619.705	26.619.705

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	650.669.756.088	771.603.837.772
Doanh thu hoạt động xây dựng	26.446.600.306	24.074.669.262
	<b>677.116.356.394</b>	<b>795.678.507.034</b>

**22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thương mại	647.149.101	773.488.000
Giảm giá hàng bán	-	359.358.147
Hàng bán bị trả lại	7.687.441.235	7.809.098.974
	<b>8.334.590.336</b>	<b>8.941.945.121</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	468.955.205.158	585.849.314.723
Giá vốn hoạt động xây dựng	25.518.598.343	23.802.436.204
	<b>494.473.803.501</b>	<b>609.651.750.927</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.591.272.304	11.044.304.862
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.431.879.000	3.357.013.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	628.571.692	689.262.227
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	527.630.933
Doanh thu hoạt động tài chính khác	679.312.758	164.689.696
	<b>12.331.035.754</b>	<b>15.782.900.718</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	2.372.578.945	3.567.596.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	518.153.340	1.124.796.010
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	252.256.462	413.346
Trích/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	525.063.037	(12.907.809.740)
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	491.887.934
Chi phí tài chính khác	324.032.037	9.666.891
	<b>3.992.083.821</b>	<b>(7.713.449.319)</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>61.244.261.653</b>	<b>68.449.381.566</b>
Chi phí nhân viên	36.564.140.132	39.235.578.355
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.010.983.620	807.688.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.326.315.717	3.381.960.734
Chi phí dự phòng	203.234.502	(355.897.305)
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.087.577.340	4.251.686.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.119.871.817	4.037.598.993
Chi phí bằng tiền khác	13.932.138.525	17.090.765.892
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>94.273.399.094</b>	<b>100.484.358.832</b>
Chi phí nhân viên	15.122.372.633	16.775.459.460
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.999.685.264	6.594.983.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.760.281.612	3.872.984.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.849.842.725	9.007.225.692
Chi phí bán hàng khác	64.417.673.708	64.233.705.516
Chi phí bảo hành	2.123.543.152	-
	<b>155.517.660.747</b>	<b>168.933.740.398</b>

**27. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	454.265.829.246	566.833.128.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	83.995.959	75.760.268
Chi phí nhân công	73.832.107.871	76.978.474.995
Chi phí dự phòng	203.234.502	(482.198.214)
Khấu hao tài sản cố định	6.925.103.373	8.128.637.165
Chi phí thuế, phí, lệ phí	873.233.678	1.974.289.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.572.072.029	15.421.366.032
Chi phí bằng tiền khác	93.660.920.563	97.408.298.639
	<b>648.416.497.221</b>	<b>766.337.757.313</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	294.209.091
Thu tiền phạt	688.033.511	114.320.778
Các khoản khác	2.290.053.743	2.095.876.070
	<b>2.978.087.254</b>	<b>2.504.405.939</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phạt chất lượng hợp đồng	688.033.511	114.320.778
Các khoản tiền phạt, chi phí chậm nộp thuế	436.340.414	110.390.066
Dự phòng phải trả các khoản thuế phải nộp	105.814.946	-
Các khoản chi phí khác	771.071.859	109.112.494
	<b>2.001.260.730</b>	<b>333.823.338</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.042.012.696	5.944.013.817
+ Công ty mẹ	-	-
+ Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	341.351.838	-
+ Công ty Cổ phần Vietronics Tân Bình	6.700.660.858	5.944.013.817
	<b>7.042.012.696</b>	<b>5.944.013.817</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (phát sinh tại Công ty con)	1.172.538.296	2.975.503.485
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	9.070.549.658	2.931.079.452
	<b>10.243.087.955</b>	<b>5.906.582.937</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020	Năm 2019
Lỗ/Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(10.574.483.093)	(3.694.451.260)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.346.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	43.800.000	43.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(241)</b>	<b>(138)</b>

(\*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 do Tổng Công ty chưa có dự kiến trích lập quỹ khen thưởng.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2019 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết 01-2020/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 là: -138 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 trước điều chỉnh là: - 84 VND/CP).

**33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**34. THÔNG TIN KHÁC**

**34.1. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
+ USD	2.593,83	1.101,22
+ EUR	550,52	563,72

**34.2. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Đỗ Thị Thuý Hương	Thành viên HĐQT	380.812.000
Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc	382.844.000
Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	375.930.000
Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	408.392.000
Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng	352.682.000
<b>Tổng</b>		<b>1.900.660.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan

	Bản chất bên liên quan	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Cổ tức được chia</b>			
Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện tử Phú Thọ Hoà	Công ty liên kết	-	309.975.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	112.926.000	128.325.000
Công ty Cổ phần Máy tính & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết	471.240.000	1.071.000.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	1.847.713.000	1.847.713.000

Số dư các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	Công ty liên kết	4.615.576.963	4.615.576.963
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Công ty liên kết	273.131.651	273.131.651
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	Công ty liên kết	91.250.000	91.250.000
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Tử Phú Thọ Hoà	Công ty liên kết	401.908.330	401.908.330

**34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và tin học Việt Nam đã được kiểm toán.

Người lập biểu



**Vũ Văn Tuấn**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Trung Dũng**

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2021

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



**Vũ Hải Vinh**